TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc

Bản án số: 304/2018/DS-PT
Ngày: 07-9-2018 .
V/v tranh chấp "*Hợp đồng góp hụi*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy.

Các Thẩm phán: 1. Ông Phan Văn Huyện

2. Ông Võ Trung Hiếu

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Liên, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Ông Trần Minh Hoàng - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Trong các ngày 4 và 7 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 126/2018/TLPT-DS ngày 14 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp "*Hợp đồng góp hụi*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 61/2018/DS-ST ngày 18 tháng 4 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 179/2018/QĐ-PT ngày 14 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1958 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp MT, xã TT, huyện CB, tỉnh TG.

Bị đơn: 1. Ông Lê Minh Tr, sinh năm 1961 (xin vắng mặt).

2. Bà Phùng Thị T, sinh năm 1964 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp MTA, xã MT, huyện CB, tỉnh TG.

Người làm chứng:

1. Bà Huỳnh Thị Đ, sinh năm 1967 (có mặt).

2. Bà Đặng Thị M, sinh năm 1965 (có mặt).

3. Bà Phạm Thị Â, sinh năm 1962 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp MTA, xã MT, huyện CB, tỉnh TG.

4. Chị Lê Thị Xuân Khánh, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp HL, xã ThM, huyện TM, tỉnh ĐT.

Người kháng cáo: Bị đơn ông Lê Minh Tr và bà Phùng Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Vợ chồng ông Tr và bà T là đầu thảo hụi ngày 10/11/2013 âm lịch có mở dây hụi 1.000.000 đồng, gồm 19 phần, có 18 hụi viên tham gia, một tháng khui 01 lần, bà H tham gia 02 phần cụ thể như sau:

+ Phần thứ 01: Bà H đóng hụi sống được 14 kỳ đến kỳ thứ 15 hốt được số tiền 15.950.000 đồng, sau khi hốt đã đóng lại 01 kỳ hụi chết được 1.000.000 đồng vào kỳ thứ 16.

+ Phần thứ 02: Bà H hốt vào kỳ thứ 17 được số tiền 16.000.000 đồng (vì 02 phần hụi sống còn lại bà H không có nhận mà bà T nhận nên 02 phần hụi sống này bà H không đóng lại 02 phần hụi chết). Sau khi hốt phần hụi thứ 02 thì vợ chồng ông Tr và bà T không giao tiền hốt hụi cho đến tháng 11/2015 thì đưa cho bà H được 3.000.000 đồng. Phần hụi này sau khi trừ 3.000.000 đồng bà T đã giao, 01 kỳ hụi chết bà H không đóng của phần 01 là 1.000.000 đồng và số tiền huê hồng đầu thảo 300.000 đồng thì bà T và ông Tr còn nợ lại 12.700.000 đồng cho đến nay chưa trả. Đối với phần hụi thứ 01 bà H đã hốt thì còn lại 02 kỳ hụi chết ở kỳ thứ 18 và kỳ thứ 19 thì bà H đã đóng tiền hụi chết đầy đủ cho bà T. Dây hụi này vẫn khui bình thường cho đến khi mãn hụi vào tháng 5/2015 âm lịch hụi không bị bể.

Trước đây bà H có yêu cầu ông Lê Minh Tr và bà Phùng Thị T liên đới trả cho bà H số tiền hụi tổng cộng 14.000.000 đồng, nay bà H xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 1.300.000 đồng, nay chỉ yêu cầu bà T và ông Tr trả số tiền nợ hụi 12.700.000 đồng thực hiện một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Phùng Thị T trình bày:

Bà T thừa nhận có tổ chức khui dây hụi 1.000.000 đồng ngày 10/11/2013 âm lịch, gồm 19 phần, 18 hụi viên tham gia, một tháng khui 01 lần, bà H tham gia 02 phần:

+ Phần thứ 01: Bà H hốt vào kỳ thứ 11 kêu hốt 350.000 đồng, hốt được số tiền 14.250.000 đồng sau khi trừ huê hồng đầu thảo 300.000 đồng, sau khi hốt bà H không đóng còn nợ lại 07 kỳ hụi chết với số tiền 7.000.000 đồng.

+ Phần thứ 02: Bà H đóng hụi sống được 10 kỳ với số tiền 10.000.000 đồng rồi ngưng không đóng.

Đối với phần hụi thứ 01 sau khi hốt bà T đã giao tiền đầy đủ cho bà H, do bà H không đóng hụi chết phần thứ 01 tổng cộng 07 kỳ số tiền 7.000.000 đồng và không đóng tiền hụi sống đối với phần hụi thứ 02, nên bà T với bà H thoả thuận miệng với nhau lấy phần hụi thứ 02 của bà H đã đóng với số tiền 10.000.000 đồng trừ đi 7.000.000 đồng tiền hụi chết của phần thứ 01, còn lại

3.000.000 đồng thì bà T đã trả cho bà H, nên xem như bà T không còn nợ tiền hụi của bà H.

Theo bà T trình bày đối với dây hụi này thì bà tổ chức khui hụi cho đến khi mãn hụi vào tháng 5/2015 âm lịch, dây hụi vẫn khui bình thường hụi không có bị bể. Việc bà T làm đầu thảo hụi chỉ có mình bà tổ chức, chồng bà là ông Lê Minh Tr có biết việc tôi làm đầu thảo hụi nhưng không có tham gia cùng, số tiền huê hồng làm đầu thảo bà sử dụng vào việc trả nợ và đáp ứng nhu cầu thiết yếu trong gia đình.

Nay bà H khởi kiện yêu cầu trả tiền hụi thì bà T không đồng ý vì hai bên đã khấu trừ thanh toán xong đến nay không còn nợ gì.

Bị đơn ông Lê Minh Tr đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hoà giải, nhưng vẫn không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 61/2018/DS-ST ngày 18 tháng 4 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng các Điều 471, khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự; điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân gia đình; Điều 22, 29 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường.

Xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu bà Phùng Thị T và ông Lê Minh Tr có nghĩa vụ liên đới trả số tiền hụi 1.300.000 đồng (Một triệu ba trăm ngàn đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Buộc ông Lê Minh Tr và bà Phùng Thị T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền nợ hụi 12.700.000 đồng (Mười hai triệu bảy trăm ngàn đồng)

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 02/5/2018, bị đơn ông Lê Minh Tr và bà Phùng Thị T có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án tỉnh Tiền Giang xem xét, giải quyết bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và xác định ông Lê Minh Tr không có liên quan trong việc tranh chấp hợp đồng góp hụi giữa bà H với bà T.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn bà Phùng Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Bà không đồng ý trả số tiền 12.700.000 đồng cho bà H vì khi bà H hốt phần hụi thứ 1 bà H không đóng lại hụi chết 07 kỳ là 7.000.000 đồng nên bà và bà H đã thỏa thuận cấn trừ nợ hụi của phần hụi thứ 1 vào phần

hụi thứ 2 mà bà H đã đóng được 10 kỳ là 10.000.000 đồng còn lại 3.000.000 đồng bà đã giao đủ nên xem như không còn nợ tiền hụi bà H.

Hai bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng; Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý án phúc thẩm đến trước khi thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã đảm bảo đúng trình tự qui định pháp luật.

Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của ông Lê Minh Tr, bà Phùng Thị T không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Tr, bà T giữ nguyên án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các bên đương sự. Căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN.

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Lê Minh Tr, bà Phùng Thị T thực hiện đúng qui định theo Điều 272 Bộ luật tố tụng dân sự, thời hạn kháng cáo đúng qui định Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp "*Hợp đồng góp hụi*" theo qui định tại Điều 471 Bộ luật dân sự là đúng qui định.

[2] Về nội dung: Các đương sự trình bày thống nhất, trong thời gian từ năm 2013 đến năm 2015 bà Nguyễn Thị H có tham gia chơi 01 dây hụi do bà Phùng Thị T làm chủ thảo. Hụi khui ngày 10/11/2013, hụi 1.000.000 đồng, gồm 19 phần, hụi khui 01 tháng/lần, bà H thạm gia 02 phần.

Đối với phần hụi thứ 1 bà H đã hốt vào kỳ thứ 15 được số tiền 15.950.000 đồng, sau khi hốt hụi bà H đã đóng lại 01 kỳ hụi chết được 1.000.000 đồng, còn phần hụi thứ 2 đến kỳ thứ 17 thì kêu hốt được số tiền 16.000.000 đồng. Sau khi hốt hụi thì bà T chỉ giao cho bà H 3.000.000 đồng, trừ đi 01 phần hụi chết 1.000.000 đồng bà H chưa đóng của phần hụi thứ 1 và tiền đầu thảo 300.000 đồng thì bà T còn nợ bà H số tiền 12.700.000 đồng. Hụi mãn vào tháng 5/2015.

Án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc ông Tr, bà T có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền 12.700.000 đồng là có căn cứ.

Xét yêu cầu kháng cáo của ông Tr, bà T cho rằng: Ông bà không đồng ý giao số tiền hụi 12.700.000 đồng cho bà H lý do khi bà H hốt phần hụi thứ 1, bà

H còn nợ 07 kỳ hụi chết là 7.000.000 đồng. Bà T và bà H đã thỏa thuận cấn trừ nợ hụi,

Xét thấy: Bà Nguyễn Thị H, bà Phùng Thị T đã xác lập hợp đồng góp hụi, trong đó bà H là hụi viên, bà T là chủ hụi. Quá trình tham gia chơi hụi bà H bỏ thăm hốt hụi, nhưng bà T không thực hiện nghĩa vụ giao hụi cho bà H là vi phạm nghĩa vụ của chủ hụi.

Xét các dây hụi mà bà H tham gia đã mãn vào tháng 5/2015, các bên khai không thống nhất về thời gian hốt hụi, số tiền nợ hụi cụ thể:

Đối với phần hụi thứ 1 bà H khai hốt vào kỳ thứ 15, sau khi hốt hụi bà H đóng 01 kỳ hụi chết 1.000.000 đồng, còn bà T khai bà H hốt vào kỳ khui thứ 11 và sau khi hốt hụi thì bà H không đóng lại hụi chết 7 kỳ là 7.000.000 đồng. Xét lời trình bày của bà T là không có cơ sở vì: Bà T cung cấp số hụi thể hiện bà H hốt hụi vào tháng 9/2014 nhưng phía bà H không thừa nhận. Đồng thời, khi giao hụi bà Tt cũng không có làm biên nhận nên không có căn cứ xác định bà H hốt hụi vào kỳ thứ 11 và còn nợ tiền hụi 7.000.000 đồng.

Đối với phần hụi thứ 2: Bà T cho rằng phần hụi thứ 2 bà H đóng được 10 kỳ hụi chết là 10.000.000 đồng, sau đó bà H không đóng tiếp các kỳ hụi sống còn lại nên bà và bà H thỏa thuận miệng với nhau cấn trừ số tiền nợ hụi 7.000.000 đồng của phần hụi thứ 1 vào số tiền hụi của phần hụi thứ 2 mà bà H đóng được 10 kỳ 10.000.000 đồng, còn lại 3.000.000 đồng bà đã giao cho bà H. Xét bà H không thừa nhận có việc thỏa thuận nêu trên mà bà T không có chứng cứ chứng minh có việc thỏa thuận cấn trừ nợ hụi giữa bà T và bà H nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà T.

Xét yêu cầu kháng cáo của ông Lê Minh Tr không đồng ý trách nhiệm trả nợ hụi cùng với bà Phùng Thị T.

Xét thấy: Bà T, ông Tr là vợ chồng, việc tham gia góp hụi của bà T thực hiện trong thời gian dài, giá trị lớn trong thời kỳ hôn nhân. Mặt khác, bà T không có chứng cứ chứng minh việc sử dụng toàn bộ số tiền huê hồng vào mục đích cá nhân. Tại phiên tòa, bà T trình bày số tiền huê hồng bà sử dụng vào mục đích trả nợ và chi tiêu gia đình nên ông Tr có trách nhiệm liên đới trả nợ cùng với bà H theo quy định tại Điều 27, 37 của Luật Hôn nhân gia đình.

Từ những phân tích trên xét yêu cầu kháng cáo của ông Tr, bà T là không có cơ sở chấp nhận. Quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 471, khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 27, 37 Luật hôn nhân gia đình; Điều 22, 29, Nghị định số 44/2006/NĐ.CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ qui định về họ, hụi, biêu, phường.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Minh Tr, bà Phùng Thị T. Giữ nguyên án sơ thẩm số 61/2018/DSPT ngày 18/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu bà Phùng Thị T và ông Lê Minh Tr có nghĩa vụ liên đới trả số tiền hụi 1.300.000 đồng (Một triệu ba trăm ngàn đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Buộc ông Lê Minh Tr và bà Phùng Thị T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền nợ hụi 12.700.000 đồng (Mười hai triệu bảy trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí:

Ông Lê Minh Tr và bà Phùng Thị T liên đới chịu 635.000 đồng (Sáu trăm ba mươi lăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 08110 ngày 16/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, nên ông, bà còn phải nộp thêm 635.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 350.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 08110 ngày 16/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Diệp Thúy